

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Nghị định số 28/2008/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/03/2008, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) thay thế cho các văn bản trước đó là Nghị định số 54/2003/NĐ-CP (19/05/2003) và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP (16/01/2004).

Thực hiện Nghị định số 28/2008/NĐ-CP, ngày 28 tháng 01 năm 2010, Bộ trưởng Bộ KH&CN Hoàng Văn Phong đã ký Quyết định số 116/QĐ - BKHCN về việc ban hành “*Điều lệ tổ chức và hoạt động Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia*”.

Dưới đây là toàn văn bản Điều lệ.

BBT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ –BKHCN, ngày 28 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CHƯƠNG I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin, thư viện, thống kê

khoa học và công nghệ.

Tên giao dịch quốc tế của Cục là **National Agency for Science and Technology Information** (viết tắt là **NASATI**)

Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản nội, ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Cục có trụ sở chính đặt tại 24-26 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị và phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến;

- Dự thảo chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hằng năm, đề án xây dựng cơ sở hạ tầng cho thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, trung tâm giao dịch thông tin công nghệ và đầu tư phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến;

2. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án được quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt;

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê khoa học và công nghệ;

4. Ban hành văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ thuộc lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị và phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến;

5. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dưới đây trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, các mạng thông tin KH&CN tiên tiến:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu KH&CN tiên tiến;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN; Quản lý và cấp mã số chuẩn quốc tế cho các xuất bản phẩm kế tiếp (ISSN);

- Hoạt động hợp tác quốc tế.

6. Phối hợp thanh tra; Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính về hoạt động thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, các mạng thông tin KH&CN tiên tiến theo quy định của pháp luật;

7. Tổ chức và phát triển Thư viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia và Liên hiệp thư viện Việt Nam về các nguồn thông tin KH&CN (Vietnam Library Consortium); Chủ trì cập nhật, bổ sung và phát triển nguồn thông tin KH&CN cho cả nước;

8. Tổ chức và thực hiện xử lý phân tích-tổng hợp và cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý nhà nước, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh

doanh và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi; Cập nhật và phát triển Cổng điện tử về thông tin KH&CN Việt Nam; Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN, CSDL thống kê KH&CN; Xuất bản các sách KH&CN, Tạp chí Thông tin và Tư liệu và các ấn phẩm thông tin KH&CN khác;

9. Tổ chức và phát triển dịch vụ giao dịch thông tin công nghệ, Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam; Tổ chức, tham gia các triển lãm, hội chợ trong nước và quốc tế; Cung cấp thông tin công nghệ phục vụ các doanh nghiệp;

10. Tổ chức và thực hiện công tác thống kê KH&CN;

11. Tổ chức, vận hành và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN);

12. Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, in ấn, số hóa và tổ chức các sự kiện KH&CN;

13. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN;

14. Quản lý về tổ chức, cán bộ, tài sản và hồ sơ tài liệu của Cục theo sự phân cấp và quy định của Bộ.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Lãnh đạo Cục

Lãnh đạo Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia gồm Cục trưởng và các Phó Cục trưởng.

Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng, có trách nhiệm giúp Cục trưởng trong việc lãnh đạo chung của Cục, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về phần công tác được phân công, được quyền quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

Khi Cục trưởng vắng mặt, một Phó Cục trưởng được uỷ quyền lãnh đạo và điều hành hoạt động của Cục.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1) Các tổ chức giúp Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

- Phòng Quản lý thông tin và Thống kê;
- Phòng Hợp tác Quốc tế;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng.

2) Các tổ chức sự nghiệp thuộc

Giới thiệu Văn bản - Tài liệu

Cục:

- Thư viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia;
- Trung tâm Xử lý và Phân tích thông tin;
- Trung tâm Thông tin phát triển;
- Trung tâm Thống kê Khoa học và Công nghệ;
- Trung tâm Giao dịch thông tin công nghệ Việt Nam;
- Trung tâm Quản lý Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam;
- Trung tâm Tin học và Đào tạo;
- Tạp chí Thông tin và Tư liệu.

3) Cơ quan đại diện

Việc thành lập cơ quan đại diện thuộc Cục thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các tổ chức: Văn phòng Cục và Thư viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia được tổ chức các phòng hoặc tương đương.

Trung tâm Thông tin phát triển hoạt động theo quy chế đặc biệt do Bộ trưởng quy định.

Thư viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia và Tạp chí Thông tin và Tư liệu hoạt động theo cơ chế được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006.

Các tổ chức sự nghiệp khác thuộc Cục hoạt động theo khoản 3 điều 4 Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005.

Biên chế của Cục Thông tin và Công nghệ Quốc gia do Cục trưởng xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức trực thuộc Cục do Cục trưởng quy định.

Điều 5. Nhân lực của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia

1. Công chức, viên chức theo chỉ tiêu biên chế được Bộ Khoa học và Công nghệ giao;

2. Cán bộ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

3. Các cộng tác viên là các nhà quản lý, các nhà khoa học, các chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ, các ngành kinh tế quốc dân.

CHƯƠNG III

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Cục trưởng Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia quản lý và điều hành mọi hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục và các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Cục trưởng Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với Thủ trưởng các đơn vị trực

Giới thiệu Văn bản - Tài liệu

thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy chế làm việc của Bộ và các quy định khác do Bộ trưởng ban hành.

Điều 8. Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ, các cơ quan liên quan đến hoạt động thông tin, thư viện, thống kê khoa học và công nghệ, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, đầu tư phát triển mạng thông tin KH&CN tiên tiến của các Bộ, ngành, các địa phương, cộng đồng nghiên cứu và đào tạo, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ và các tổ chức khác có liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 9. Công tác tài chính

a) Nguồn thu bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước cấp;
2. Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết, sản xuất, kinh doanh;
3. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật: viện trợ, vốn vay, quà biếu, quà tặng, v.v.

b) Các khoản chi bao gồm:

1. Chi hoạt động thường xuyên theo

chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

2. Chi đầu tư phát triển;
3. Chi hoạt động cung ứng dịch vụ, tuyên truyền, phổ biến;
4. Chi thuê lao động;
5. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cục trưởng Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính của Cục; thực hiện nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước và chế độ kế toán theo quy định hiện hành của pháp luật; xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính nội bộ đảm bảo phát triển bền vững của Cục.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Cục trưởng Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Điều 12. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Cục trưởng Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Văn Phong (đã ký)